

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/10/2019

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Thu Hiền**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Nguyễn Lớn**

Bà Lê Thị Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* **Bà Phan Minh Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 366/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Trịnh Vũ N**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ TL, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* **Ông Liêu Minh B**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ TL, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2019, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Vũ N trình bày:*

Bà và ông Liêu Minh B kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường N. Sau khi kết hôn ông bà sống chung tại phường N và có 01 con chung tên Liêu Thiên Â, sinh ngày 17/02/2015. Quá trình chung sống xuất phát từ vấn đề kinh tế gia đình nên giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi với nhau. Việc mâu thuẫn đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng không thành. Nay tình cảm bà dành cho ông B không còn, thực tế bà và ông B không còn sống chung từ khoảng tháng 3 năm 2019 cho đến nay nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B. Về con chung, bà và ông B có 01 con chung, khi ly hôn do tính chất công việc phải thường xuyên trực ca đêm nên bà đồng ý giao con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 19/9/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Liêu Minh B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Liêu Minh B thừa nhận về thời gian kết hôn, con chung như bà Trịnh Vũ N đã trình bày. Ông khai thời gian gần đây do gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, xảy ra tranh cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Tuy nhiên, ông cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ giữa hai vợ chồng, việc ông và bà N không còn sống chung do xuất phát từ tính chất công việc chứ bà N vẫn thỉnh thoảng đi về nhà của hai vợ chồng để chăm lo cho con cái. Hiện tại ông vẫn còn tình cảm thương yêu đối với vợ con. Ông mong bà N suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con nên ông không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Liêu Thiên Ân, sinh ngày 17/02/2015 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Liêu Minh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã thực hiện việc thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về con chung: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông Liêu Minh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Liêu Thiên Ân, sinh ngày 17/02/2015 đến tuổi trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Bà Trịnh Vũ N và ông Liêu Minh B tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã N và đã được Ủy ban nhân dân phường cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45/2014, quyền số 01/2014 ngày 19/9/2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông B là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, do xuất phát từ vấn đề kinh tế gia đình nên giữa bà N và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tranh cãi với nhau. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ông bà đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được và ngày càng trầm trọng hơn. Theo kết quả xác minh tại địa phương ông bà đang sinh sống cho thấy: Hiện tại bà N và ông B không còn sống chung với nhau, bà N thường xuyên vắng nhà. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng làm rạn nứt tình cảm, việc quan tâm, chăm sóc lẫn nhau không còn. Do đó, mâu thuẫn giữa bà N và ông B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, thực tế hai ông bà cũng không còn sống chung từ khoảng tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Vì vậy có duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Vũ N đối với ông Liêu Minh B.

[2] *Về con chung*: Bà Trịnh Vũ N và ông Liêu Minh B có 01 con chung tên Liêu Thiên Â, sinh ngày 17/02/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Liêu Minh B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Bà Trịnh Vũ N xét thấy do tính chất công việc phải trực đêm không có điều kiện chăm sóc con nên đồng ý giao con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận. Trong quá trình nuôi con nếu gặp khó khăn ông B có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con để đảm bảo quyền lợi cho con chung.

[3] *Về tài sản chung*: Bà Trịnh Vũ N và ông Liêu Minh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4] *Về nợ chung*: Bà Trịnh Vũ N và ông Liêu Minh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] *Về án phí*: Bà Trịnh Vũ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Trịnh Vũ N được ly hôn với ông Liêu Minh B.

2. *Về con chung*: Giao con chung Liêu Thiên Ân, sinh ngày 17/02/2015 cho ông Liêu Minh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Liêu Minh B không yêu cầu bà Trịnh Vũ N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn vì quyền lợi của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Bà Trịnh Vũ N và ông Liêu Minh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Bà Trịnh Vũ N và ông Liêu Minh B không yêu cầu tòa án giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà Trịnh Vũ N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tại biên lai số AA/2018/0008801 ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Như vậy bà Trịnh Vũ N đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường Ninh Hà (Giấy CNKH số 45/2014, Quyển số 01/2014 ngày 19/9/2014);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Hiền